TÒA ÁN NHÂN DÂNQUẬN CẦU GIẤY THÀNH PHỐ HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **34**/2023/KDTM-ST
Ngày: 09/08/2023
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Tạ Thị Thu Hương**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Mạnh Hùng**

Ông Lưu Văn Thiệm

- *Thư ký phiên tòa*: **Ông Hà Hùng Cường** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy:* **Bà Võ Thị Xuân Hương** – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 08 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 11/2023/TLST-KDTM ngày 03 tháng 03 năm 2023 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2023/QĐXX-ST ngày 18 tháng 07 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng N**

Trụ sở: số B L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Công C, bà Nguyễn Thị Thu H – theo Văn bản ủy quyền số: 558/VBUQ-NHNo.HV-TH ngày 07/08/2023. Có mặt ông C.

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho Ngân hàng N: luật sư Nguyễn Thúy Q, luật sư Nguyễn Thị Thu T – Công ty L – Đoàn luật sư thành phố H. Có mặt.

- *Bị đơn:* **Công ty TNHH T2**

Trụ sở: số A đường P, phường M, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị T1 – Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Á – sinh năm: 1970.

ĐKHKTT: Tổ 10C phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ: Số A ngõ H phố H, phường Ô, quận Đ, thành phố Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Công ty TNHH T2 (sau đây gọi tắt là Công ty T2) vay vốn tại Ngân hàng N (sau đây gọi tắt là A) - Chi nhánh H2 số tiền là 10.700.000.000 đồng tính trên Hợp đồng tín dụng số: 1482-LAV-201200405, giấy nhận nợ lần 01 ngày 26/07/2012 và Hợp đồng tín dụng số: 1482-LAV-201200418, giấy nhận nợ lần 01 ngày 02/08/2012, cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số: 1482-LAV-201200405 ngày 26/07/2012 và Giấy nhận nợ lần thứ 01 ngày 26/07/2012: số tiền nhận nợ: 4.500.000.000 đồng; thời hạn vay: 06 tháng; mục đích vay: Thanh toán hóa đơn mua hàng số 0000053 ngày 14/07/2012 theo Hợp đồng kinh tế số 06/HĐKT/2012/AD-TH ngày 12/07/2012 đã ký giữa Công ty T2 và Công ty TNHH Đ; lãi suất tiền vay: 15%/năm; lãi suất nợ quá hạn: 22,5%/năm; nợ gốc trả nợ vào cuối kỳ vào ngày: 26/01/2013; nợ lãi vay trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng.

- Hợp đồng tín dụng số: 1482-LAV-201200418 ngày 02/08/2012 và Giấy nhận nợ lần thứ 01 ngày 02/08/2012: số tiền nhận nợ: 6.200.000.000 đồng; thời hạn vay: 06 tháng; mục đích vay: Thanh toán hóa đơn mua hàng số 0000401 ngày 26/07/2012 theo Hợp đồng Kinh tế số 02/HĐKT/2012/TG-TH ngày 25/04/2012 và đơn đặt hàng số 03/TH-TG/2012 ngày 24/07/2012 đã ký giữa Công ty T2 và Công ty CP Đ1; lãi suất tiền vay: 15%/năm; Lãi suất nợ quá hạn: 22,5%/năm; nợ gốc trả nợ vào cuối kỳ vào ngày: 02/02/2013; Nợ lãi vay trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số: 1482-LAV-201200405 ngày 26/07/2012 và Giấy nhận nợ lần thứ 01 ngày 26/07/2012 gồm:

- Quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Thành H1 và vợ là Bà Nguyễn Thị G tại địa chỉ Thửa đất số 72, tờ bản đồ số 1, thôn G, xã B, huyện G, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AD856150, số vào sổ cấp GCN: 0440, số Quyết định: 1371/QĐ – UB do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 30/12/2005.

- Quyền sử dụng đất mang tên Ông Nguyễn Thành H1 và vợ là Bà Nguyễn Thị G tại địa chỉ Thửa đất số 18, tờ bản đồ số 3, thôn G, xã B, huyện G, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: W314428, số vào sổ cấp GCN: 0119QSDĐ/739 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 28/05/2003.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số: 1482-LAV-201200418 ngày 02/08/2012 và Giấy nhận nợ lần thứ 01 ngày 02/08/2012 gồm:

- Quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Thành H1 và vợ là Bà Nguyễn Thị G tại địa chỉ Thửa đất số 72, tờ bản đồ số 1, thôn G, xã B, huyện G, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AD856150, số vào sổ cấp GCN:

0440, số Quyết định: 1371/QĐ – UB do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 30/12/2005.

- Quyền sử dụng đất mang tên Ông Nguyễn Thành H1 và vợ là Bà Nguyễn Thị G tại địa chỉ Thửa đất số 18, tờ bản đồ số 3, thôn G, xã B, huyện G, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: W314428, số vào sổ cấp GCN: 0119QSDĐ/739 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 28/05/2003.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng đã ký, Công ty T2 đã thực hiện được một phần nghĩa vụ trả nợ bằng việc bàn giao tài sản bảo đảm để A chi nhánh H2 bán đấu giá. Số tiền 7.928.660.873 đồng có được từ việc bán đấu giá 2 tài sản bảo đảm sau khi được trừ đi các chi phí liên quan đến xử lý bán đấu giá tài sản đã được trừ vào khoản nợ gốc của Hợp đồng số 1482-LAV-201200418 là 6.200.000.000 đồng, của Hợp đồng số 1482-LAV-201200405 là 1.728.660.873 đồng.

Do vậy, khoản dư nợ tạm tính đến ngày 30/11/2022 là: Nợ gốc là 2.769.339.127 đồng; Nợ lãi trong hạn là 12.012.165.874 đồng; Lãi quá hạn là 5.892.350.060 đồng. Tổng cộng là 17.904.515.934 đồng. Trong đó:

- Hợp đồng tín dụng số 1482-LAV-201200405 và Giấy nhận nợ lần thứ 01 ngày 26/07/2012: Dư nợ ban đầu: 4.500.000.000 đồng; Dư nợ hiện tại: 2.769.339.127 đồng; Lãi trong hạn: 6.528.987.792 đồng; Lãi quá hạn: 3.150.761.019 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 1482-LAV-201200418 và Giấy nhận nợ lần thứ 01 ngày 02/08/2012: Dư nợ ban đầu: 6.200.000.000 đồng; Dư nợ hiện tại: 0 đồng; Lãi trong hạn: 5.483.178.082 đồng; Lãi quá hạn: 2.741.589.041 đồng.

Theo đơn khởi kiện, A đề nghị Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xem xét và tuyên buộc:

Buộc Công ty T2 thanh toán cho A - Chi nhánh H2 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi tạm tính đến ngày 30/11/2022 là: Nợ gốc là 2.769.339.127 đồng; Nợ lãi trong hạn là 12.012.165.874 đồng; Lãi quá hạn là 5.892.350.060 đồng. Tổng cộng là 17.904.515.934 đồng.

Nay, A có điều chỉnh lại cách tính lãi suất cho Hợp đồng tín dụng số 1482-LAV-201200405 ngày 26/07/2012, giấy nhận nợ lần thứ 01 ngày 26/07/2012 và Hợp đồng tín dụng số 1482-LAV-201200418 ngày 02/08/2012, giấy nhận nợ lần thứ 01 ngày 02/08/2012 cụ thể như sau: Giảm mức lãi suất cho vay trong hạn và lãi suất quá hạn xuống còn 4,86%/năm.

Do đó, A đề nghị Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xem xét và tuyên buộc:

- Buộc Công ty T2 thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho A toàn bộ số tiền tạm tính (đến ngày 17/05/2023) là 6.612.627.192 đồng, trong đó:

+ Hợp đồng tín dụng số 1482-LAV-201200405 ngày 26/07/2012 và giấy nhận nợ lần thứ 01 ngày 26/07/2012, số tiền nhận nợ: 4.500.000.000 đồng.

Công ty T2 đã thanh toán không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ lãi trong thời hạn vay từ kỳ thanh toán ngày 25/08/2012. Vì vậy, từ ngày 26/09/2012 được xác định là ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ đã ký. Đến ngày 28/01/2013 Công ty T2 tiếp tục vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, toàn bộ nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi chuyển thành nợ quá hạn. Tính đến ngày 17/05/2023 Công ty T2 đã thực hiện thanh toán được 116.259.583 đồng tiền nợ lãi và 1.730.660.873 đồng nợ gốc. Dư nợ tính đến ngày 17/05/2023 là: 4.728.758.041 đồng. Trong đó, nợ gốc là: 2.769.339.127 đồng, nợ lãi tính từ ngày 26/09/2012 đến ngày 17/05/2023 (3.886 ngày) tính trên lãi suất 4,86%/năm là: 1.959.418.914 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng số 1482-LAV-201200418 ngày 02/08/2012 và giấy nhận nợ lần thứ 01 ngày 02/08/2012 với số tiền nhận nợ: 6.200.000.000 đồng. Công ty T2 đã thanh toán không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ lãi trong thời hạn vay từ kỳ thanh toán ngày 25/09/2012. Vì vậy, từ ngày 26/09/2012 được xác định là ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ đã ký. Từ ngày 02/02/2013 đến ngày 26/12/2018 Công ty T2 tiếp tục vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, toàn bộ nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi chuyển thành nợ quá hạn. Tính đến ngày 17/05/2023 Công ty T2 đã thực hiện thanh toán được 142.083.333 đồng tiền nợ lãi và 6.200.000.000 đồng nợ gốc. Dư nợ tính đến ngày 17/05/2023 còn là: nợ gốc: 0 đồng, nợ lãi tính từ ngày 26/09/2012 đến ngày trả hết nợ gốc 26/12/2018 (2.282 ngày) tính trên lãi suất 4,86%/năm là: 1.883.869.151 đồng.

- Buộc Công ty T2 tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả lãi phát sinh kể từ ngày xét xử sơ thẩm theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, Giấy nhận nợ đã ký cho đến ngày thực tế thanh toán hết nợ cho A.

- T3 thông qua A - Chi nhánh H2 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu của Công ty T2 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

**** Người bảo vệ quyền và lợi ích cho nguyên đơn**:* không bổ sung gì thêm.

**** Lời khai tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:***

Ngày 26/07/2012, Công ty T2 và A – Chi nhánh H2 ký Hợp đồng tín dụng số 1482 LAV-201200405. Nội dung hợp đồng: A - Chi nhánh H2 cho Công ty T2 vay số tiền 4.500.000.000 đồng; Thời hạn cho vay: 06 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng này; Lãi suất cho vay tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng: 15%/ năm; Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay. Ngày 26/07/2012, A - Chi nhánh H2 đã giải ngân số tiền 4.500.000.000 đồng cho Công ty T2.

Ngày 02/8/2012, Công ty T2 và A – Chi nhánh H2 ký Hợp đồng tín dụng số: 1482 LAV-201200418. Nội dung hợp đồng: A - Chi nhánh H2 cho Công ty T2 vay số tiền 6.200.000.000 đồng; Thời hạn cho vay: 06 tháng; Lãi suất tiền vay: 15%/ năm; Lãi suất nợ quá hạn: 22,5%/năm; Ngày 02/8/2012, A - Chi nhánh H2 đã giải ngân số tiền 6.200.000.000 đồng cho Công ty T2.

Tài sản bảo đảm cho các Hợp đồng tín dụng:

Tài sản 1: Quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Thành H1 và vợ là bà Nguyễn Thị G tại địa chỉ: T đất số 72 tờ bản đồ số 1, Thôn G, xã B, huyện G, Thành phố Hà Nội. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AD 856150. Số vào sổ cấp giấy chứng nhận số 0440, số Quyết định số: 1371/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 30/12/2005. Giá trị tài sản được xác định trong Biên bản định giá là 9.000.000.000 đồng.

Tài sản 2: Quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Thành H1 và vợ là bà Nguyễn Thị G tại địa chỉ: T đất số 18 tờ bản đồ số 3, Thôn G, xã B, huyện G, Thành phố Hà Nội. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: W 314428. Số vào sổ cấp giấy chứng nhận số 0119/QSDĐ/739 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 28/05/2003. Giá trị tài sản được xác định trong Biên bản định giá là 11.000.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản là 20.000.000.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Công ty T2 đã trả A – Chi nhánh H2 được một số tiền nợ gốc và lãi cho hai hợp đồng tín dụng nêu trên.

Hiện A khởi kiện yêu cầu buộc Công ty T2 thực hiện các nghĩa vụ như sau:

- Buộc Công ty T2 thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho A toàn bộ số tiền tạm tính (đến ngày 30/11/2022) là 6.550.678.972 đồng. Trong đó: nợ gốc là 2.769.339.127 đồng, nợ lãi là 3.781.339.845 đồng.

Công ty không đồng ý:

Đối với Hợp đồng tín dụng số 1482-LAV-201200418 ngày 02/08/2012: Tính đến ngày 26/12/2018, Công ty T2 đã trả cho A - Chi nhánh H2 số tiền lãi 142.083.333 đồng và 6.200.000.000 đồng nợ gốc. Do đó, nợ gốc còn: 0 đồng, những nợ lãi tính từ ngày 26/09/2012 đến ngày 30/11/2022 (2.282 ngày) là 1.883.869.151 đồng. Ngày 26/12/2018 Công ty T2 đã hết nợ gốc cho A - Chi nhánh H2.

Đối với Hợp đồng tín dụng số 1482-LAV-201200405 ngày 26/07/2012: Tính đến ngày 30/11/2022 Công ty T2 đã thực hiện thanh toán được 116.259.583 đồng tiền nợ lãi và 1.730.660.873 đồng nợ gốc. Dư nợ gốc quá hạn là: 2.769.339.127 đồng. Số tiền lãi tính từ ngày 26/09/2012 đến ngày 30/11/2022 (3.718 ngày) tính trên lãi suất 4,86%/năm của giấy nhận nợ là: 1.897.470.694 đồng.

- Buộc Công ty T2 tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả lãi phát sinh kể từ ngày xét xử sơ thẩm theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, Giấy nhận nợ đã ký cho đến ngày thực tế thanh toán hết nợ cho A - Chi nhánh H2.

Công ty T2 không đồng ý vì lãi suất theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 1482-LAV-201200405 ngày 26/07/2012 và Hợp đồng tín dụng số 1482-LAV-201200418 ngày 02/08/2012 là quá cao.

- T3 thông qua A - Chi nhánh H2 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu của Công ty T2 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Công ty T2 không đồng ý với yêu cầu này của A.

- Công ty T2 có ý kiến :

+ Các chủ tài sản của các tài sản bảo đảm cho các khoản vay của Công ty T2 đã bàn giao tài sản cho A bán đấu giá để thanh toán nợ cho Công ty T2. Do đó, Công ty T2 không còn nợ A.

+ Do Công ty T2 không còn nợ A nên Công ty T2 không phải chịu trách nhiệm thanh toán các khoản nợ gốc và lãi như A trình bày.

+ Toàn bộ quy trình bán đấu giá tài sản nêu trên Công ty T2 không nhận được bất cứ thông tin gì như: Thông báo quản lý tài sản để bán đấu giá; Lựa chọn công ty thẩm định giá; Chứng thư thẩm định giá, không được có ý kiến về kết quả định giá; Lựa chọn công ty B; Thông báo về giảm giá tài sản; Thông báo bán, mua, nộp hồ sơ, xem tài sản, nộp tền cọc, phiên đấu giá, kết quả đấu giá.

+ Hợp đồng tín dụng không có thỏa thuận A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có quyền xử lý bất cứ tài sản nào thuộc quyền sở hữu của Công ty T2 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án buộc Công ty T2 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho A toàn bộ số tiền tính đến hết ngày 09/08/2023 là: 6.643.601.301 đồng. Trong đó:

- Hợp đồng tín dụng số 1482-LAV-201200405 ngày 26/07/2012 và giấy nhận nợ lần thứ 01 ngày 26/07/2012: nợ gốc là 2.769.339.127 đồng, nợ lãi là 1.990.393.023 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 1482-LAV- 201200418 ngày 02/08/2012 và giấy nhận nợ lần thứ 01 ngày 02/08/2012: nợ gốc là 0 đồng, nợ lãi: 1.883.869.151 đồng (từ ngày 26/09/2012 đến ngày 26/12/2018 tính trên lãi suất 4,86%%/năm).

- Buộc Công ty T2 tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả lãi phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng (đối với nợ gốc chưa thanh toán).

- Nguyên đơn rút yêu cầu Tòa án tuyên nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu của Công ty T2 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

- Không đồng ý với ý kiến của bị đơn đề nghị được miễn lãi số tiền 1.883.869.151 đồng của Hợp đồng tín dụng số 1482-LAV-201200418 ngày 02/08/2012.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị đơn có ý kiến:

+ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng số 1482-LAV-201200405 ngày 26/07/2012 và giấy nhận nợ lần thứ 01 ngày 26/07/2012 với nợ gốc là 2.769.339.127 đồng, nợ lãi là 1.990.393.023 đồng.

+ Đề nghị nguyên đơn xem xét miễn toàn bộ số tiền nợ lãi: 1.883.869.151 đồng cho bị đơn theo Hợp đồng tín dụng số 1482-LAV-201200418 ngày 02/08/2012 và giấy nhận nợ lần thứ 01 ngày 02/08/2012.

+ Bị đơn nhất trí với quy trình đấu giá hai tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Thành H1 và vợ là bà Nguyễn Thị G.

+ Lãi suất sau khi xét xử sơ thẩm đối với nợ gốc chưa thanh toán được áp dụng theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa có quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình tố tụng giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đã tiến hành tố tụng theo đúng các trình tự, thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn, bị đơn về cơ bản đã chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào điều 474 BLDS năm 2005, Điều 21, Điều 266, Điều 267 BLTTDS, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của A, buộc Công ty T2 phải thanh toán nợ, tổng số tiền: 6.643.601.301 đồng, gồm:

- Hợp đồng tín dụng số 405: nợ gốc là 2.769.339.127 đồng, nợ lãi là 1.990.393.023 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 418: nợ gốc là 0 đồng, nợ lãi là 1.883.869.151 đồng.

Buộc Công ty T2 tiếp tục trả lãi phát sinh theo quy định của pháp luật từ khi xét xử đến khi thanh toán hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:

Ngày 26/12/2022, Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy nhận đơn khởi kiện đề ngày 26/12/2022 của A với nội dung: Yêu cầu Tòa án Buộc Công ty T2 thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho A toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số 1482-LAV-201200405 ngày 26/07/2012 và giấy nhận nợ lần thứ 01 ngày 26/07/2012; Hợp đồng tín dụng số 1482-LAV- 201200418 ngày 02/08/2012 và giấy nhận nợ lần thứ 01 ngày 02/08/2012. Như vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án xác định là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận, cụ thể là tranh chấp hợp đồng tín dụng được quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty T2 có trụ sở tại số A P, phường M, quận C, Hà Nội. Căn cứ Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 26/07/2012 và ngày 02/08/2012, Công ty T2 ký với A – Chi nhánh H2 02 hợp đồng tín dụng. Sau khi Công ty T2 vi phạm nghĩa vụ

thanh toán theo các hợp đồng tín dụng, ngày 26/12/2022 A đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty T2 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết. Xác định vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

Hợp đồng tín dụng số: 1482-LAV-201200405 ngày 26/07/2012 và Hợp đồng tín dụng số: 1482-LAV-201200418 ngày 02/08/2012 đã ký kết được ký kết giữa đại diện hợp pháp của Công ty T2 và A trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các bên có đủ năng lực tham gia giao dịch dân sự; mục đích, nội dung và hình thức của hợp đồng theo đúng quy định của pháp luật nên căn cứ vào Điều 122 Bộ luật dân sự 2005 xác định các hợp đồng tín dụng trên là hợp pháp, các bên có nghĩa vụ thực hiện.

Hợp đồng tín dụng số: 1482-LAV-201200405 ngày 26/07/2012 và Hợp đồng tín dụng số: 1482-LAV-201200418 ngày 02/08/2012 và các Giấy nhận nợ, A đã giải ngân cho Công ty T2 tổng số tiền 10.700.000.000 đồng theo đúng thỏa thuận. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T2 không thanh toán lãi và nợ gốc theo đúng quy định của hợp đồng, Công ty T2 đã thực hiện được một phần nghĩa vụ trả nợ bằng việc ông Nguyễn Thành H1 và vợ là bà Nguyễn Thị G bàn giao tài sản bảo đảm cho A - Chi nhánh H2 bán đấu giá để thanh toán nợ cho A. Số tiền bán đấu giá các Tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Thành H1 và vợ là bà Nguyễn Thị G tại địa chỉ Thửa đất số 72, tờ bản đồ số 1, thôn G, xã B, huyện G, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AD856150, số vào sổ cấp GCN: 0440, số Quyết định: 1371/QĐ – UB do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 30/12/2005 và Quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Thành H1 và vợ là bà Nguyễn Thị G tại địa chỉ Thửa đất số 18, tờ bản đồ số 3, thôn G, xã B, huyện G, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: W314428, số vào sổ cấp GCN: 0119QSDĐ/739 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 28/05/2003 được tổng số tiền 7.928.660.873 đồng (Số tiền bán đấu giá được 8.010.000.000 đồng- chi phí trả cho Công ty B, phí xử lý nợ 81.339.127 đồng) đã được trừ vào nợ gốc của khoản nợ vay của cho Công ty T2. Căn cứ vào Điều 9 của Hợp đồng thế chấp quy định xử lý tài sản thế chấp để thu nợ và Biên bản bàn giao tài sản bảo đảm ngày 28/11/2017 xác định bên thế chấp là ông Nguyễn Thành H1 và vợ là bà Nguyễn Thị G đã tự nguyện, đồng ý, không thắc mắc, khiếu nại về việc giao tài sản thế chấp cho A - Chi nhánh H2 để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Công ty T2. Do vậy, quy trình bán đấu giá tài sản thế chấp và dùng tiền bán được từ tài sản thế chấp để thanh toán trả nợ cho nguyên đơn là đúng thỏa thuận của ba bên và đúng quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án buộc Công ty T2 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho A toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi chưa thanh toán tính đến ngày 9/8/2023 (theo mức lãi suất 4,86%/ 1 năm) của Hợp đồng tín dụng số 1482-LAV-201200405 ngày 26/07/2012 và giấy nhận nợ lần thứ 01 ngày 26/07/2012, nợ gốc là 2.769.339.127 đồng, nợ lãi: 1.990.393.023 đồng. Bị đơn đồng ý yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Do vậy, buộc Bị đơn phải thanh toán cho Nguyên đơn theo Hợp đồng tín dụng số 1482-LAV-201200405 ngày 26/07/2012 và

giấy nhận nợ lần thứ 01 ngày 26/07/2012 với số tiền nợ gốc là 2.769.339.127 đồng, nợ lãi: 1.990.393.023 đồng.

Đối với Hợp đồng tín dụng số 1482-LAV- 201200418 ngày 02/08/2012 và giấy nhận nợ lần thứ 01 ngày 02/08/2012, Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền nợ lãi là 1.883.869.151 đồng. Căn cứ các điều khoản trong Hợp đồng tín dụng số 1482-LAV- 201200418, yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận. Ý kiến của bị đơn đề nghị Nguyên đơn miễn toàn bộ lãi không được nguyên đơn đồng ý và không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vậy, theo Hợp đồng tín dụng số 1482-LAV-201200405 ngày 26/07/2012 và Hợp đồng tín dụng số 1482-LAV- 201200418 ngày 02/08/2012, buộc Bị đơn - Công ty T2 phải thanh toán cho Nguyên đơn - A tổng cộng số tiền là 6.643.601.301 đồng.

Công ty T2 phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đối với số tiền gốc chậm trả cho đến khi trả xong nợ gốc là đúng thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng, đúng quy định của pháp luật nên ý kiến của bị đơn đề nghị được áp dụng mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là không được chấp nhận.

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút yêu cầu Tòa án tuyên nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu của bị đơn - Công ty T2 để thu hồi nợ là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 90, 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Điều 274, khoản 1 Điều 275 và Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền của Ngân hàng N đối với Công ty TNHH T2 theo Hợp đồng tín dụng số 1482-LAV-201200405 ngày 26/07/2012 và Hợp đồng tín dụng số 1482-LAV-201200418 ngày 02/08/2012.

2. Buộc Công ty TNHH T2 phải thanh toán cho Ngân hàng N số tiền là: 6.643.601.301 đồng (*Sáu tỷ, sáu trăm bốn mươi ba triệu, sáu trăm linh một nghìn, ba trăm linh một đồng*). Trong đó:

- Theo Hợp đồng tín dụng số 1482-LAV-201200405 ngày 26/07/2012 và giấy nhận nợ lần thứ 01 ngày 26/07/2012, số tiền nợ gốc là 2.769.339.127 đồng (*Hai tỷ, bảy trăm sáu mươi chín triệu, ba trăm ba mươi chín nghìn, một trăm hai mươi bảy đồng*), nợ lãi là 1.990.393.023 đồng (*Một tỷ, chín trăm chín mươi triệu, ba trăm chín mươi ba nghìn, không trăm hai mươi ba đồng*).

- Theo Hợp đồng tín dụng số 1482-LAV- 201200418 ngày 02/08/2012 và giấy nhận nợ lần thứ 01 ngày 02/08/2012, nợ lãi là 1.883.869.151 đồng (*Một tỷ, tám trăm tám mươi ba triệu, tám trăm sáu mươi chín nghìn, một trăm năm mươi mốt đồng*).

Công ty TNHH T2 phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đối với số tiền gốc chậm trả kể từ ngày 10/08/2023 cho đến khi thi hành án xong.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Công ty TNHH T2 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 114.643.601 đồng (*Một trăm mười bốn triệu, sáu trăm bốn mươi ba nghìn, sáu trăm linh một đồng*).

Ngân hàng N không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và được hoàn lại số tiền 62.900.000 đồng (*Sáu mươi hai triệu, chín trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 19230 ngày 28/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy.

4. Án xử công khai sơ thẩm, Ngân hàng N và Công ty TNHH T2 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Cầu Giấy;
- Chi cục THADS quận Cầu Giấy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Thị Thu Hương